

Bản án số: 35/2024/DS-PT

Ngày: 05/6/2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Dũng

Các thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Quang Vũ

2. Bà Điều Thị Bích Lược

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Yên - Kiểm sát viên

Trong các ngày 31 tháng 5 năm 2024 và ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2024/DS-PT ngày 03 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 01/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C (V);

Địa chỉ: Số X T H Đ, quận H K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật Ông Trần Bình M - Chức vụ: Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức N - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh H V; Bà Hà Thúy H - Chức vụ: Phó phụ trách phòng giao dịch M P (Bà H có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Đức C, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn B V, xã Đ V, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Dương Thị T, sinh năm 1995 (Có mặt ngày 31/5/2024, vắng mặt ngày 05/6/2024);

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T V, huyện T D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Số điện thoại: 0915356156.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Tô Thị T, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn B V, xã Đ V, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Dương Thị T, sinh năm 1995 (Có mặt ngày 31/5/2024, vắng mặt ngày 05/6/2024);

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T V, huyện T D, tỉnh Vĩnh Phúc.

\* Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Đức C.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án:

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

- Ngày 27 tháng 05 năm 2019 Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh H V đã cấp tín dụng dài hạn cho Ông Lê Đức C vay số tiền: 1.500.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng) theo Hợp đồng cho vay số 10/2019-HĐCV/NHCT242 ngày 27/05/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay lần 1 số 10/2019/HĐCV/NHCT242 ngày 04/10/2021

+ Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán chi phí nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: thửa đất số 72; tờ bản đồ số 24; địa chỉ Khu X, phường N T, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ

+ Phương thức cấp tín dụng: Từng lần

+ Thời hạn cấp tín dụng: 180 tháng

+ Trả nợ gốc, lãi: Trả nợ gốc 3 tháng/lần, trả thành 60 kỳ, mỗi kỳ trả gốc 25.000.000 đồng/ 1 kỳ. Lãi trả hàng tháng vào ngày 25.

Tính đến ngày 03/04/2023, Ông Lê Đức C hiện còn dư nợ gốc 1.505.779.869 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm linh năm triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi chín đồng./)

Trong đó: Nợ gốc: 1.275.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng.

Nợ lãi cộng dồn, lãi phạt: 230.779.869 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi chín đồng./).

Tài sản Thế chấp 01,02 là: 02 QSD đất diện tích tại Thôn C, xã B S, huyện V T, tỉnh Vĩnh Phúc:

- QSDĐ 01: 01 QSD đất diện tích 92,4 m<sup>2</sup> (Đất ở tại nông thôn: 92,4 m<sup>2</sup>) thửa đất số 152, tờ bản đồ số 13, tại Thôn C, xã B S, huyện V T, tỉnh Vĩnh Phúc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 224983 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 11/07/2017, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS 00502, đứng tên bà Tô Thị T và ông Lê Đức C.

- QSDĐ 02: 01 QSD đất diện tích 82,9 m<sup>2</sup> (Đất ở tại nông thôn: 82,9 m<sup>2</sup>) thửa đất số 153, tờ bản đồ số 13, tại Thôn C, xã B S, huyện V T, tỉnh Vĩnh Phúc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 224979 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 11/07/2017, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS 00504,

đứng tên bà Tô Thị T và ông Lê Đức C.

- Tài sản gắn liền với 02 QSD: 01 căn nhà 01 tầng có tổng diện tích xây dựng khoảng 50 m<sup>2</sup>, tường bao xung quanh, mái lợp tôn và toàn bộ các công trình phụ trợ khác gắn liền với 02 Quyền sử dụng đất nêu trên. Chủ sở hữu/sử dụng: Bà Tô Thị T và ông Lê Đức C. Mỗi quan hệ với Khách hàng: KH vay vốn. Tổng Giá trị định giá: 1 tỷ 400 triệu đồng. Đảm bảo cho mức cấp tín dụng tối đa: 1 tỷ đồng. Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 52.049/2018/HĐBĐ/NHCT242 ngày 28/11/2018 giữa Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh H V và bên có tài sản là bà Tô Thị T và ông Lê Đức C. Hợp đồng thế chấp đã được Văn phòng công chứng M A chứng thực và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện V T.

Tài sản Thế chấp 03 là: 01 Quyền sử dụng đất diện tích 85,0 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây 04 tầng diện tích xây dựng khoảng 340 m<sup>2</sup> (Trong đó: Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng: 85,0 m<sup>2</sup>; Sử dụng chung: Không; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất) thuộc thửa đất số 72; tờ bản đồ số 24 có địa chỉ tại: Khu X, phường N T, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 250580 do UBND Thành phố V T cấp ngày 24/05/2019. Số vào sổ cấp GCN: CH 03651 đứng tên Ông Lê Đức C

Chủ sở hữu/sử dụng: ông Lê Đức C mỗi quan hệ với Khách hàng: KH vay vốn

Tổng giá trị định giá: 3 tỷ 935 triệu đồng. Đảm bảo cho mức cấp tín dụng tối đa: 2 tỷ 950 triệu đồng. Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 19.064.10/2019/HĐBĐ/NHCT242 ngày 24/05/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung ký kết giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh H V và bên có tài sản là ông Lê Đức C. Hợp đồng thế chấp đã được Văn phòng công chứng A C chứng thực và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố V T.

Khoản vay đã chuyển nợ cần chú ý theo CIC ngày 15/11/2021 tại Ngân hàng VPBank Chi nhánh Vĩnh Phúc và đến ngày 15/05/2022 khoản vay của Ông Lê Đức C đã chuyển nợ xấu nhóm 03 theo CIC. Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh H V đã nhiều lần thông báo và đôn đốc nhắc nhở bằng văn bản, có giấy mời lên ngân hàng làm việc nhưng Ông Lê Đức C đã không có mặt và cố tình chây ỳ không trả nợ quá hạn cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng. Từ tháng 5/2022, ông Lê Đức C đã không trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo hợp đồng đã giao kết; như vậy ông C đã vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng đã kí nên ngân hàng chấm dứt việc cho vay với ông C.

Việc Ông Lê Đức C cố tình chây ỳ không trả nợ đúng quy định đã gây rất nhiều khó khăn cho ngân hàng trong công tác xử lý nợ nói riêng và hoạt động kinh doanh nói chung. Vậy Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh H V đề nghị Toà án nhân dân thành phố V T - tỉnh Phú Thọ xem xét và giải quyết đối với yêu cầu của chúng tôi như sau:

1. Buộc Ông Lê Đức C trả nợ cho Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh H V số tiền nợ là số tiền là: 1.505.779.869 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm linh năm triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn, tám trăm sáu mươi chín đồng). Trong đó:

Nợ gốc: 1.275.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Nợ lãi cộng dồn, lãi phạt: 230.779.869 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi chín đồng và tiếp tục trả tiền lãi và phí phát sinh (kể cả lãi phạt chậm thi hành án) theo lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng cho vay số 10/ 2019-HĐCV/NHCT242 ngày 27 tháng 05 năm 2019 cùng các văn bản sửa đổi bổ sung cho đến khi thi hành xong bản án thu hồi hết nợ cho Ngân hàng.

2. Về xử lý tài sản bảo đảm đề nghị Tòa án xử: Nếu Ông Lê Đức C không trả được nợ Ngân hàng, đề nghị cơ quan Thi hành án xử lý tài sản của Ông Lê Đức C và bà Tô Thị T để trả nợ khoản vay của Ông Lê Đức C tại Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh H V.

Đại diện theo ủy quyền của ông Lê Đức C - bà Dương Thị T trình bày: Bà đã nhận được các thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng của Tòa án, nay Ngân hàng khởi kiện ông C thì quan điểm của bà là: Ngày 04/10/2021 ông Lê Đức C có ký thỏa thuận với Ngân hàng chỉ có đồng ý, bổ sung nghĩa vụ là cơ cấu giãn nợ do dịch bệnh bởi covid - 19 và có cam kết ngày 06/10/2021 khi hết dịch sẽ tiếp tục trả lãi hàng tháng. Ông C cũng có nhiều đơn tới phía ngân hàng xem xét bù đắp thời gian trả nợ cho phù hợp với Nghị quyết của Quốc hội số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 tiếp tục cơ cấu thời gian trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ miễn giảm lại vay đối với khách hàng bị ảnh hưởng. Nhưng ngân hàng không hợp tác với người dân dẫn đến sự thất vọng vì mối quan hệ giữa ngân hàng và người dân là dựa vào nhau để đưa nền kinh tế ngày càng phát triển, phía ngân hàng không những không tạo điều kiện cho người dân như ông bà mà còn ép buộc các ông bà phải gom lãi trong thời gian dịch bệnh và trả một lúc. Nay bà đề nghị phía ngân hàng thực hiện đúng theo thông tư số 02/2023/TT-NHNN Hà Nội ngày 23/4/2023 của thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc cơ cấu lại thời gian trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đến hết ngày 30/6/2024.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS - ST ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ: Điều 299, 317, 323, 357, 463, 466, 468, 470 - Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh P T.

1/ Buộc ông Lê Đức C phải trả cho Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh P T số tiền cả gốc và lãi là : 1.593.636.609 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm chín ba triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn sáu linh chín đồng) trong đó dư nợ gốc là

1.275.000.000 đồng (một tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu) và lãi xuất theo hợp đồng vay đã thỏa thuận là 318.636.649 đồng (ba trăm mười tám triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm bốn chín đồng)

2/ Nếu ông Lê Đức C không trả được số tiền trên thì Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh P T có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản ông Lê Đức C và bà Tô Thị T đối với các tài sản đã thế chấp là:

- 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đất có số thửa 72, tờ bản đồ số 24 diện tích đất 85 m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: Khu X, N T, V T Phú Thọ; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Đức C.

- 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có số thửa 152, tờ bản đồ số 13 diện tích đất 92,4 m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã B S, huyện V T, tỉnh Vĩnh Phúc; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Đức C và bà Tô Thị T.

- 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có số thửa 153, tờ bản đồ số 13 diện tích đất 82,9 m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã B S, huyện V T, tỉnh Vĩnh Phúc; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Đức C và bà Tô Thị T.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Đức C còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 31/10/2023, ông Lê Đức C kháng cáo với lý do không đồng ý với nội dung của Bản án sơ thẩm: Vì Ngân hàng đã vi phạm các Thông tư, nghị quyết hướng dẫn của Thống đốc ngân hàng quy định về việc hướng dẫn cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ. Từ việc vi phạm đó Ngân hàng chưa đủ điều kiện khởi kiện ra tòa để yêu cầu tôi trả nợ.

Tại cấp sơ thẩm, tôi đã đề nghị Thẩm phán xem xét trước và sau khi thụ lý vụ án trả lại đơn khởi kiện hoặc đình chỉ vụ án nhưng Thẩm phán không xem xét cố tình thụ lý vụ án và ra Bản án không đúng pháp luật, cố ý giúp sức cho Ngân hàng làm trái đường lối của đảng và Nhà nước. tại Nghị quyết số 43/2022/Qh15 ngày 11/01/2022. Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021, Thông tư số 01/2020 ngày 13/3/2020, Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước quy định về việc hướng dẫn cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ quy định đến hết ngày 30/6/2024.

Đề nghị Hủy toàn bộ Bản án số 48/2023/DSST ngày 02/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ và ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 25/3/2024 ông Lê Đức C có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung:

Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, cụ thể:

+ Vi phạm về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú tại Thân B V 2 xã Đ V, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc. 2 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của tôi tại xã B S, huyện V T, tỉnh Vĩnh Phúc, hợp đồng thế chấp này được văn phòng công chứng chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh V T thực hiện nhưng TAND thành phố V T thụ lý là không đúng thẩm quyền tại Điều 39 BLTTDS.

+ Vi phạm về xác minh thu thập chứng cứ: Ngày 30/8/2023 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của tôi vì không nhận được giấy báo. Tòa án vẫn tiến hành thẩm định, sau khi có kết quả thẩm định không gửi, thông báo cho tôi được biết để tôi thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 70 BLTTDS.

+ Vi phạm về trình tự thủ tục giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý vụ án, trước khi Thẩm phán tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thẩm phán không hướng dẫn ngân hàng hoặc Tòa án gửi bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người bị kiện theo quy định tại khoản 9 Điều 70 BLTTDS.

+ Vi phạm về cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng quy định từ Điều 170 đến Điều 177 BLTTDS. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán không tiến hành cấp, giao, tổng đạt văn bản nào của Tòa án cho người được cấp, nhận là tôi hoặc người đại diện hợp pháp của tôi.

+ Vi phạm về nơi thực hiện niêm yết công khai: trong hồ sơ vụ án thể hiện có một số biên bản niêm yết công khai do Thẩm phán lập tại UBND phường N T, Thành phố V T và UBND xã B S, huyện V T Thẩm phán thực hiện như vậy là sai vì: tại hợp đồng ủy quyền được Văn phòng công chứng N Q K chứng thực ngày 21/4/2023 về việc tôi là Lê Đức C đã ủy quyền cho bà Dương Thị T, sinh năm 1995; nơi thường trú: xã T V, huyện T D, tỉnh Vĩnh Phúc, bà T được quyền thay mặt tôi tham gia tố tụng vụ án do Ngân hàng TMCP C khởi kiện. Theo quy định thì mọi văn bản TAND thành phố V T phải gửi, niêm yết về cho bà T theo địa chỉ mà tôi cung cấp nhưng Tòa án lại gửi về phường N T, Thành phố V T. Vi phạm tại điểm b khoản 2 Điều 179 BLTTDS.

+ Vi phạm về thành phần hội đồng xét xử: tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2023/QĐXXST- DS ngày 31/8/2023 thì thành phần HĐXX gồm Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa là bà Nguyễn Thị Phương Hoa, các hội thẩm nhân dân là ông Nguyễn Huy trụ, ông Lê Minh Tranh (không có HTND dự khuyết) nhưng trong bản án hội thẩm nhân dân lại là ông Đỗ Minh và ông Trần Đình Đậu.

\* Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện,

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ngoài ra người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; đã được sao chụp toàn bộ tài liệu chứng cứ có

trong hồ sơ; không được tham gia phiên tòa ngày 02/10/2023 nên không biết được việc thay đổi Hội thẩm nhân dân theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Đức C

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm 48/2023/DSST ngày 02/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Đức C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo của ông Lê Đức C làm trong luật định, đơn hợp lệ được xem xét giải quyết.

[2] Xét về nội dung kháng cáo của ông Lê Đức C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Hợp đồng cho vay số 10/2019-HĐCV/NHCT242 ngày 27/05/2019 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh H V và ông Lê Đức C mục đích vay là thanh toán chi phí nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Hợp đồng được giao kết và thực hiện (giải ngân) tại trụ sở Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh H V; địa chỉ chi nhánh số Y, đường H V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

2.2. Về sự có mặt tham gia của đương sự trong việc xem xét thẩm định tại chỗ:

Ngày 22/8/2023, Tòa án nhân dân thành phố V T có gửi Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ cho người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và ông Lê Đức C, bà T nhưng ông C từ chối không nhận văn bản tố tụng của Tòa án như vậy các đương sự đã từ chối quyền và nghĩa vụ của mình. Nếu có đương sự vắng mặt thì việc xem xét, thẩm định tại chỗ vẫn được tiến hành theo thủ tục chung. Nên việc Tòa án nhân dân thành phố V T tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ là đúng theo quy định tại Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 4 Điều 9 Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

2.3. Về việc sao gửi các tài liệu chứng cứ cho bị đơn: Bị đơn ông Lê Đức C, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, đã biết được các văn bản phía bị đơn giao nộp và quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được sao chụp toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên phía bị đơn trình bày không được tiếp cận các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là không có căn cứ.

2.4. Quá trình tổng đạt các văn bản tố tụng và thực hiện niêm yết công khai:

Tòa án nhân dân thành phố V T đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông C, bà T nhưng bị đơn từ chối không nhận và không hợp tác, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Hơn nữa tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm đều nhận được nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc nên việc bị đơn kháng cáo nội dung này là không có căn cứ.

2.5. Về thành phần Hội đồng xét xử, tại phiên tòa ngày 02/10/2023, Chủ tọa phiên tòa đã giới thiệu họ tên của những người tham gia tố tụng, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không tham gia phiên tòa nên không biết việc thay đổi thành phần Hội đồng xét xử. Do người được ủy quyền của bị đơn đồng thời là người được ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa nên đương nhiên từ bỏ quyền của mình theo quy định của pháp luật. Mặc dù, theo biên bản phiên tòa không thể hiện việc chủ tọa phiên tòa giải thích có sự thay đổi hội thẩm nhân dân so với quyết định đưa vụ án ra xét xử là có thiếu sót nhưng không ảnh hưởng gì đến bản chất của vụ án.

2.6. Về nội dung hợp đồng:

Ngày 27 tháng 05 năm 2019 Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh H V đã cấp tín dụng dài hạn cho Ông Lê Đức C vay số tiền: 1.500.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng) theo Hợp đồng cho vay số 10/2019-HĐCV/NHCT242 ngày 27/05/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay lần 1 số 10/2019/HĐCV/NHCT242 ngày 04/10/2021. Thời hạn cấp tín dụng: 180 tháng, Trả nợ gốc 3 tháng/lần, trả thành 60 kỳ, mỗi kỳ trả gốc 25.000.000 đồng/ 1 kỳ. Lãi trả hàng tháng vào ngày 25. Quá trình thực hiện hợp đồng từ tháng 5/2022 ông C không trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo đúng thỏa thuận đã vi phạm hợp đồng, ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhưng ông C không thực hiện trả nợ. Ông C không trả nợ cho ngân hàng theo kì hạn đã thỏa thuận và lấy lí do ngân hàng đã vi phạm các văn bản của Nhà nước về cơ cấu nợ do ảnh hưởng của dịch Covid -19.

Theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam thì khách hàng chỉ được xem xét để cơ cấu lại khi khách hàng được đánh giá là có khả năng trả nợ đầy đủ gốc và lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại và không thực hiện cơ cấu đối với khoản nợ vi phạm quy định của pháp luật. Như vậy từ tháng 7/2021 khoản nợ của ông C vay của ngân hàng đã chuyển sang nợ nhóm 2- nhóm nợ cần chú ý trong



hệ thống ngân hàng (CIC) và kể từ ngày 22/2/2022 thì khoản vay này đã chuyển sang nhóm 3 - nhóm nợ xấu nên ngân hàng không cơ cấu lại (cơ cấu lần 2) khoản vay của ông C là đúng, tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của bị đơn lấy lý do dịch bệnh Covid 19 nên ngân hàng không cơ cấu cho ông C nên ông C không trả nợ là không đúng với quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã buộc ông C trả số nợ gốc và lãi cho ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 1.593.636.649 đồng, nếu như ông C không trả được số tiền này sẽ xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn cho ngân hàng là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Lê Đức C, cần giữ nguyên Bản án của cấp sơ thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông Lê Đức C không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Đức C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DSST ngày 02/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ: Điều 299, 317, 323, 357, 463, 466, 468, 470 - Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C.

1. Buộc ông Lê Đức C phải trả cho Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh H V số tiền cả gốc và lãi là: 1.593.636.609 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm chín ba triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn sáu linh chín đồng) trong đó dư nợ gốc là 1.275.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và lãi suất theo hợp đồng vay đã thỏa thuận là 318.636.649 đồng (Ba trăm mười tám triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm bốn chín đồng)

2. Nếu ông Lê Đức C không trả được số tiền trên thì Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh H V có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản ông Lê Đức C và bà Tô Thị T đối với các tài sản đã thế chấp là:

- 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đất có số thửa 72, tờ bản đồ số 24 diện tích đất 85 m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: Khu X, N T, V T Phú Thọ; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 250580 do Ủy ban nhân dân thành phố V T cấp ngày 24/5/2019. Số vào sổ cấp GCN: CH 03651 đứng tên ông Lê Đức C.

- 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có số thửa 152, tờ bản đồ số 13 diện tích đất 92,4 m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã B S, huyện V T, tỉnh Vĩnh Phúc; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 224983 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 11/7/2017, số vào sổ cấp GCN: CS 00502, đứng tên ông Lê Đức C và bà Tô Thị T.

- 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có số thửa 153, tờ bản đồ số 13 diện tích đất 82,9 m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã B S, huyện V T, tỉnh Vĩnh Phúc; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 224979 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 11/7/2017, số vào sổ cấp GCN: CS 00504 đứng tên ông Lê Đức C và bà Tô Thị T.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Đức C còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

3. Về chi phí tố tụng: Không đặt ra giải quyết do Ngân hàng TMCP C không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Đức C phải chịu 57.173.396 đồng (Năm mươi bảy triệu một trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh H V số tiền 28.227.000 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2022/0000131 ngày 10/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V T.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Đức C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Lê Đức C (Chị Trang nộp thay) đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0005662 ngày 09/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS T.P V T;
- TAND T.P V T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Tiến Dũng**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
NAM  
THÀNH PHỐ V T  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48 /2023/DS-ST

Ngày: 02 - 10 - 2023

(*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V T - TỈNH PHÚ THỌ**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Đỗ Minh

2/ Ông Trần Đình Đậu

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đỗ Hoàng Diệp

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V T:* Bà Đinh Diễm Kiều Trang

- Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố V T xét xử công khai vụ án thụ lý số 41/2023/TLST-DS ngày 23/3/2023 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐXX-

ST ngày 31 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP C (V).

Địa chỉ: Số X, T H Đ, quận H K, T.P Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh Bình - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Nghĩa - Chức vụ: PGĐ Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh H V

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thanh Tùng - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch M P

**Bị đơn:** Ông Lê Đức C

Địa chỉ: Thôn 2, làng Báo Văn, xã Đ V, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Dương Thị T, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã T V, huyện T D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chỗ ở hiện nay: số nhà 31, tổ 91, Khu X, phường N T, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Tô Thị T

Địa chỉ: Thôn 2, làng Báo Văn, xã Đ V, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Dương Thị T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T V, huyện T D, tỉnh Vĩnh Phúc.

(Đại diện nguyên đơn có mặt, các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa)

### NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án:

*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

- Ngày 27 tháng 05 năm 2019 Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh H V đã cấp tín dụng dài hạn cho Ông Lê Đức C vay số tiền: 1.500.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng) theo Hợp đồng cho vay số 10/2019-HĐCV/NHCT242 ngày 27/05/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay lần 1 số 10/2019/HĐCV/NHCT242 ngày 04/10/2021

+ Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán chi phí nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: thửa đất số 72; tờ bản đồ số 24; địa chỉ Khu X, phường N T, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ

+ Phương thức cấp tín dụng: từng lần

+ Thời hạn cấp tín dụng: 180 tháng

+ Trả nợ gốc, lãi: trả nợ gốc 3 tháng/lần, trả thành 60 kỳ, mỗi kỳ trả gốc 25.000.000 đồng/ 1 kỳ. Lãi trả hàng tháng vào ngày 25.

Tính đến ngày 03/04/2023, Ông Lê Đức C hiện còn dư nợ gốc 1.505.779.869 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm linh năm triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi chín đồng./)

Trong đó: Nợ gốc: 1.275.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng.

Nợ lãi cộng dồn, lãi phạt: 230.779.869 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi chín đồng./).

Tài sản Thế chấp 01,02 là: 02 QSD đất diện tích tại Thôn C, xã B S, huyện V

T, tỉnh Vĩnh Phúc:

- QSDĐ 01: 01 QSD đất diện tích 92,4 m<sup>2</sup> (Đất ở tại nông thôn: 92,4 m<sup>2</sup>) thửa đất số 152, tờ bản đồ số 13, tại Thôn C, xã B S, huyện V T, tỉnh Vĩnh Phúc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 224983 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 11/07/2017, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS 00502, đứng tên bà Tô Thị T và ông Lê Đức C.

- QSDĐ 02: 01 QSD đất diện tích 82,9 m<sup>2</sup> (Đất ở tại nông thôn: 82,9 m<sup>2</sup>) thửa đất số 153, tờ bản đồ số 13, tại Thôn C, xã B S, huyện V T, tỉnh Vĩnh Phúc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 224979 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 11/07/2017, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS 00504, đứng tên bà Tô Thị T và ông Lê Đức C.

- Tài sản gắn liền với 02 QSD: 01 căn nhà 01 tầng có tổng diện tích xây dựng khoảng 50 m<sup>2</sup>, tường bao xung quanh, mái lợp tôn và toàn bộ các công trình phụ trợ khác gắn liền với 02 Quyền sử dụng đất nêu trên.

Chủ sở hữu/sử dụng: bà Tô Thị T và ông Lê Đức C. Mọi quan hệ với Khách hàng: KH vay vốn

Tổng Giá trị định giá: 1 tỷ 400 triệu đồng. Đảm bảo cho mức cấp tín dụng tối đa: 1 tỷ đồng. Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 52.049/2018/HĐBĐ/NHCT242 ngày 28/11/2018 giữa Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh H V và bên có tài sản là bà Tô Thị T và ông Lê Đức C. Hợp đồng thế chấp đã được Văn phòng công chứng M A chứng thực và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện V T.

Tài sản Thế chấp 03 là: 01 Quyền sử dụng đất diện tích 85,0 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây 04 tầng diện tích xây dựng khoảng 340 m<sup>2</sup> (Trong đó: Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng: 85,0 m<sup>2</sup>; Sử dụng chung: không; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất) thuộc thửa đất số 72; tờ bản đồ số 24 có địa chỉ tại: Khu X, phường N T, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 250580 do UBND Thành phố V T cấp ngày 24/05/2019. Số vào sổ cấp GCN: CH 03651 đứng tên Ông Lê Đức C

Chủ sở hữu/sử dụng: ông Lê Đức C mọi quan hệ với Khách hàng: KH vay vốn

Tổng giá trị định giá: 3 tỷ 935 triệu đồng. Đảm bảo cho mức cấp tín dụng tối đa: 2 tỷ 950 triệu đồng. Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 19.064.10/2019/HĐBĐ/NHCT242 ngày 24/05/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung ký kết giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh H V và bên có tài sản là ông Lê Đức C. Hợp đồng thế chấp đã được Văn phòng công chứng A C chứng thực và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố V T.

Khoản vay đã chuyển nợ cần chú ý theo CIC ngày 15/11/2021 tại Ngân hàng VPBank Chi nhánh Vĩnh Phúc và đến ngày 15/05/2022 khoản vay của Ông Lê Đức C đã chuyển nợ xấu nhóm 03 theo CIC. Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh H V đã nhiều lần thông báo và đôn đốc nhắc nhở bằng văn bản, có giấy mời lên ngân hàng làm việc nhưng Ông Lê Đức C đã không có mặt và cô tình chây ỳ không trả nợ quá hạn cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng. Từ tháng 5/2022, ông Lê Đức C đã không trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo hợp đồng đã giao kết; như vậy ông C đã vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng đã kí nên ngân hàng chấm dứt việc cho vay với ông C.

Việc Ông Lê Đức C cố tình chây ỳ không trả nợ đúng quy định đã gây rất nhiều khó khăn cho ngân hàng trong công tác xử lý nợ nói riêng và hoạt động kinh doanh nói chung. Vậy Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh H V đề nghị Tòa án nhân dân thành phố V T - tỉnh Phú Thọ xem xét và giải quyết đối với yêu cầu của chúng tôi như sau:

1/Buộc Ông Lê Đức C trả nợ cho Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh H V số tiền nợ là số tiền là: 1.505.779.869 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm linh năm triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn, tám trăm sáu mươi chín đồng). Trong đó:

Nợ gốc: 1.275.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Nợ lãi cộng dồn, lãi phạt: 230.779.869 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi chín đồng và tiếp tục trả tiền lãi và phí phát sinh (kể cả lãi phạt chậm thi hành án) theo lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng cho vay số 10/ 2019-HĐCV/NHCT242 ngày 27 tháng 05 năm 2019 cùng các văn bản sửa đổi bổ sung cho đến khi thi hành xong bản án thu hồi hết nợ cho Ngân hàng.

2/ Về xử lý tài sản bảo đảm đề nghị Tòa án xử: Nếu Ông Lê Đức C không trả được nợ Ngân hàng, đề nghị cơ quan Thi hành án xử lý tài sản của Ông Lê Đức C và bà Tô Thị T để trả nợ khoản vay của Ông Lê Đức C tại Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh H V.

**Đại diện theo ủy quyền của ông Lê Đức C - bà Dương Thị T** trình bày: Bà đã nhận được các thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng của Tòa án, nay Ngân hàng khởi kiện ông C thì quan điểm của bà là: Ngày 04/10/2021 ông Lê Đức C có ký thoả thuận với Ngân hàng chỉ có đồng ý, bổ sung nghĩa vụ là cơ cấu giãn nợ do dịch bệnh bởi covid - 19 và có cam kết ngày 06/10/2021 khi hết dịch sẽ tiếp tục trả lãi hàng tháng. Ông C cũng có nhiều đơn tới phía ngân hàng xem xét bù đắp thời gian trả nợ cho phù hợp với Nghị quyết của Quốc hội số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 tiếp tục cơ cấu thời gian trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ miễn giảm lại vay đối với khách hàng bị ảnh hưởng. Nhưng ngân hàng

không hợp tác với người dân dẫn đến sự thất vọng vì mối quan hệ giữa ngân hàng và người dân là dựa vào nhau để đưa nền kinh tế ngày càng phát triển, phía ngân hàng không những không tạo điều kiện cho người dân như ông bà mà còn ép buộc các ông bà phải gom lãi trong thời gian dịch bệnh và trả một lúc. Nay bà đề nghị phía ngân hàng thực hiện đúng theo thông tư số 02/2023/TT-NHNN Hà Nội ngày 23/4/2023 của thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc cơ cấu lại thời gian trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đến hết ngày 30/6/2024.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C.

+ Buộc ông Lê Đức C phải trả cho Ngân hàng TMCP C tạm tính đến ngày xét xử 02/10/2023 số tiền là 1.593.636.649 đồng trong đó dư nợ gốc là 1.275.000.000 đồng và lãi xuất theo hợp đồng vay đã thỏa thuận là 318.636.649 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử ông Lê Đức C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ phù hợp với quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

+ Về xử lý tài sản thế chấp: trường hợp ông Lê Đức C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP C thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại đối với số tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

+ Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh H V tự chi trả và không đề nghị xem xét

+ Về án phí: ông Lê Đức C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến tòa án, gửi nhiều đơn khiếu kiện, không nhận các văn bản tố tụng của tòa án, có những hành vi cản trở gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Trong giấy ủy quyền giữa bà T và ông C, Bà T thì ghi địa chỉ của bà T là : Thôn Đ, xã T V, huyện T D, tỉnh Vĩnh Phúc nhưng trong tất cả các đơn khiếu kiện và các giấy tờ bà T gửi tòa án thì bà lại ghi địa chỉ : Khu X, phường N T, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ. Tòa án đã gửi tất cả các văn bản tố tụng cho bà T về 02 địa chỉ nêu trên. Ở địa chỉ Thôn Đ, xã T V, huyện T D, tỉnh Vĩnh Phúc bà T có trực tiếp nhận 01 lần( Thông báo về việc thẩm định và xem xét tại chỗ) các văn bản tiếp sau đó bưu điện báo “ không có người nhận”. Ở địa chỉ Khu X, phường N T, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ bà T có mặt nhưng từ chối không nhận. Căn cứ vào các quy định của bộ luật tố tụng dân sự tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tiếp theo

của tòa án cho bà T tại địa chỉ Khu X N T, V T, Phú Thọ và ông C và bà T tại địa chỉ thôn Báo Văn, xã Đ V, huyện V T, tỉnh Vĩnh Phúc là đúng theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Đức C và người đại diện theo ủy quyền bà Dương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân TP V T xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quyền khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

- Hợp đồng cho vay số 10/ 2019-HĐCV/NHCT 242 lập ngày 27/5/2019 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh H V và ông Lê Đức C mục đích vay là thanh toán chi phí nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Như vậy tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về Hợp đồng dân sự. Hợp đồng được giao kết và thực hiện (giải ngân) tại trụ sở Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh H V địa chỉ số 806, đường H V, thành phố V T, tỉnh Phú thọ nên Tòa án nhân dân Thành phố V T thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng dân sự*” là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng dân sự giao kết giữa các bên lập ngày 27/5/2019, thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên( ngày giải ngân cũng là ngày này). Tuy nhiên, kể từ tháng 5/2022 ông Lê Đức C không trả lãi và gốc cho ngân hàng theo đúng thỏa thuận, phía ngân hàng rất nhiều lần liên tiếp có Thông báo cho ông C. Thông báo nợ quá hạn lần 2 là ngày 31/5/2022 (đã tổng đạt hợp lệ cho ông C ) nên vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung:

- Xét hợp đồng cho vay số 10/ 2019-HĐCV/NHCT242 lập ngày 27/5/2019 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh H V và ông Lê Đức C và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng số 10/2019-HĐCV/NHCT242 ngày 04/10/2021 là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng từ tháng 5/2022 bị đơn ông Lê Đức C không trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Mặc dù thời hạn hợp đồng vẫn còn nhưng theo thỏa thuận của hai bên tại điều 9 phần 2 hợp đồng cho vay số 10/2019-HĐCV/NHCT 242 ngày 27/5/2019 (nêu trên) thì ông C đã vi phạm toàn bộ hợp đồng, ngân hàng đã hai lần thông báo hợp lệ cho ông C và có quyền khởi kiện ra tòa án yêu cầu ông C trả toàn bộ khoản nợ còn lại. Ông C không có ý kiến gì về hợp đồng vay cũng như hợp đồng thế chấp, ông dừng việc trả nợ cho ngân hàng theo kì hạn đã thỏa thuận lấy lí do phía ngân hàng đã vi phạm các văn bản của nhà nước về cơ cấu nợ do ảnh hưởng của dịch covid 19, do vậy ông chưa có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Về nội dung này, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại khoản 5,6 thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 của thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam thì khách hàng chỉ được xem xét để cơ cấu lại khi khách hàng được đánh giá là có khả năng trả nợ đầy đủ



gốc và lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại và không thực hiện cơ cấu đối với khoản nợ vi phạm quy định của pháp luật.

Đối với trường hợp của ông C từ tháng 7/2021 khoản nợ của ông C vay của ngân hàng TMCP Việt nam Thịnh Vượng - chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc đã chuyển sang nợ nhóm 2- nhóm nợ cần chú ý trong hệ thống ngân hàng (CICB) và kể từ ngày 22/2/2022 thì khoản vay này đã chuyển sang nhóm 3 - nhóm nợ xấu. Theo quy định của ngành ngân hàng một khoản vay của khách hàng bị chuyển sang nợ xấu thì tất cả các khoản vay ở mọi tổ chức tín dụng đều bị chuyển sang nợ xấu, do vậy khoản vay của ông Lê Đức C ở Ngân hàng TMCP C Chi nhánh H V bị chuyển sang nợ xấu

Đối chiếu với quy định đã trích dẫn ở trên tại thời điểm tháng 2/2022 ông C đã không trả được nợ cho ngân hàng TMCP Việt nam Thịnh Vượng - chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc bị chuyển sang nợ xấu đồng nghĩa với việc ông C không có khả năng trả nợ, vi phạm luật các tổ chức tín dụng nên việc Ngân hàng TMCP C không cơ cấu lại (cơ cấu lần 2) khoản vay của ông C là đúng, ông C lấy lí do ngân hàng không cơ cấu cho mình nên không trả nợ là cố tình chây ỳ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy Ngân hàng TMCP C khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Đức C phải trả nợ gốc là 1.275.000.000 đồng và lãi xuất theo hợp đồng vay đã thỏa thuận tính đến ngày xét xử là 318.636.649 đồng là có căn cứ cần chấp nhận. Buộc bị đơn phải trả cho ngân hàng tổng số tiền là 1.593.636.649 đồng tính đến ngày xét xử thẩm 02/10/2023

- Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 19.064.10/2019/HĐBĐ/NHCT242 ngày 24/5/2019 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh P T với bên thế chấp là ông Lê Đức C và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 52.049./2018/HĐBĐ/NHCT242 ngày 28/11/2018 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh P T với bên thế chấp là ông Lê Đức C và bà Tô Thị T nhận thấy:

Việc ký kết các hợp đồng thế chấp nêu trên là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, nên hợp đồng có hiệu lực. Ngày 30/8/2023, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ hiện trạng các thửa đất của ông Lê Đức C và bà Tô Thị T. Qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định 03 thửa đất trên đều không phát sinh tài sản gì, hiện trạng không thay đổi so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có tranh chấp gì. Do vậy, nếu ông C không trả được tiền vay thì phải phát mại các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp kể trên để trả nợ.

[5] Về án phí: Vì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh P T được chấp nhận nên ông C phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Chi phí thẩm định và xem xét tại chỗ Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh H V tự chi trả và không đề nghị xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Điều 299, 317, 323, 357, 463, 466, 468, 470 - Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh P T.

1/ Buộc ông Lê Đức C phải trả cho Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh P T số tiền cả gốc và lãi là : 1.593.636.609 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm chín ba triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn sáu linh chín đồng) trong đó dư nợ gốc là 1.275.000.000 đồng (một tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu) và lãi xuất theo hợp đồng vay đã thỏa thuận là 318.636.649 đồng (ba trăm mười tám triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm bốn chín đồng)

2/ Nếu ông Lê Đức C không trả được số tiền trên thì Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh P T có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản ông Lê Đức C và bà Tô Thị T đối với các tài sản đã thế chấp là:

- 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đất có số thửa 72, tờ bản đồ số 24 diện tích đất 85 m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: Khu X, N T, V T Phú thọ; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Đức C.

- 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có số thửa 152, tờ bản đồ số 13 diện tích đất 92,4 m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã B S, huyện V T, tỉnh Vĩnh Phúc; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Đức C và bà Tô Thị T.

- 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có số thửa 153, tờ bản đồ số 13 diện tích đất 82,9 m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã B S, huyện V T, tỉnh Vĩnh Phúc; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Đức C và bà Tô Thị T.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Đức C còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

3/ Về chi phí tố tụng: Không đặt ra giải quyết do Ngân hàng TMCP C không đề nghị giải quyết.

4/ Về án phí: Ông Lê Đức C phải chịu 57.173.396 đồng (Năm mươi bảy triệu một trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh P T 28.227.000 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đó nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2022/0000131 ngày 10/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V T.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án*

*hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP, tỉnh
- Thi hành ánDSTP.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Phương Hoa**